

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 136/2024/LĐ-ST
Ngày: 16 – 8 – 2024
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Trần Thị Đổi

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 109/2024/TLST – LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST – LĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Bích N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

Địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LEE JONG MO, chức vụ: Giám đốc

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, chức vụ: Giám đốc

(Tất cả đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích N do ông Võ Hoài P đại diện trình bày:

Từ tháng 3/2008 đến tháng 9/2010, bà Bùi Thị Bích N làm việc tại Công ty TNHH P1, bà có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm xã hội là 07908100963.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ người em gái là bà Bùi Thị Xuân H có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà cho bà H mượn giấy chứng minh nhân dân để bà H đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009. Khi bà H mang tên bà là N làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 thì bà H cũng tham gia bảo hiểm mang tên Bùi Thị Bích N với số sổ bảo hiểm xã hội là 8009001596.

Việc bà cho bà H mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 không phải do bản thân bà N thực hiện. Hiện nay tồn tại hai số sổ bảo hiểm xã hội là 07908100963 và 8009001596 cùng mang tên là Bùi Thị Bích N nên bà N không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Bùi Thị Bích N (do bà Bùi Thị Xuân H làm việc) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009;

2/ Điều chỉnh tên Bùi Thị Bích N trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009001596 thành tên Bùi Thị Xuân H.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có văn bản trình bày:

Công ty xác định bà Bùi Thị Bích N có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng với bà N được giao kết từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009. Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Xuân H có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị Bích N để vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà chưa được hưởng chế độ BHXH một lần, trợ cấp BHTN đối với số sổ bảo hiểm 8009001596. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y

tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Bùi Thị Bích N từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm là 8009001596, bà N chưa được hưởng trợ cấp BHXH một lần, trợ cấp BHTN đối với thời gian tham gia BHXH, BHTN nêu trên.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích N về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị Bích N (do bà Bùi Thị Xuân H thực hiện) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009; Điều chỉnh tên Bùi Thị Bích N trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009001596 thành tên Bùi Thị Xuân H. Bởi vì thực tế bà Bùi Thị Bích N không phải là người lao động mà bà Bùi Thị Xuân H mới là người lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Bùi Thị Bích N người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Bùi Thị Xuân H và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Bùi Thị Bích N khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Bùi Thị Bích N có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng số 07908100963 và 8009001596 cùng mang tên Bùi Thị Bích N.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Bùi Thị Bích N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Bùi Thị Xuân H do bà H là người trực tiếp lao động và Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Bùi Thị Bích N không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 cũng có lời khai xác định bà Bùi Thị Bích N có ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 thì bà N nghỉ việc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Bùi Thị Bích N từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm 8009001596 nên có căn cứ xác định giữa bà Bùi Thị Bích N với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009.

[2.2]. Xét thấy, bà Bùi Thị Bích N có cho bà Bùi Thị Xuân H mượn chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Bích N để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 cho đến tháng 6/2009 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 theo sổ BHXH số 8009001596. Trong

khi đó bà Bùi Thị Bích N cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P1, bà N có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm xã hội là 07908100963.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009 thì người mang tên Bùi Thị Bích N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH P1.

Do đó, việc bà Bùi Thị Xuân H tham gia trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Bùi Thị Bích N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHYT theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị Bích N với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Bùi Thị Bích N trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8009001596 trong giai đoạn từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 thành tên Bùi Thị Xuân H.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Bích N tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích N về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị Bích N (do bà Bùi Thị Xuân H là người trực tiếp lao động) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009;

1.2. Điều chỉnh tên Bùi Thị Bích N trên sổ bảo hiểm số 8009001596 thành tên Bùi Thị Xuân H.

Bà Bùi Thị Bích N và bà Bùi Thị Xuân H được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Long An để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009001596 từ tên Bùi Thị Bích N sang tên Bùi Thị Xuân H.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Bùi Thị Bích N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001135 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Quốc

